

Nhơn Phú, ngày 10 tháng 04 năm 2026

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
Tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách
3 tháng đầu năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhơn Phú về việc phê chuẩn dự toán Ngân sách nhà nước xã Nhơn Phú năm 2026 và phương án phân bổ Ngân sách nhà nước của xã Nhơn Phú năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Nhơn Phú về việc giao chi tiết dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-VP ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Chánh Văn phòng HĐND và UBND về việc công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 3 tháng đầu năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND.

Văn phòng HĐND và UBND xã Nhơn Phú công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán chi tiết như sau:

I. Kinh phí chuyển nguồn năm 2025 mang sang năm 2026: 1.886.197.402đ

Trong đó:

- Kinh phí tự chủ lương (341):	1.510.011.889đ
- Kinh phí tự chủ hoạt động (341):	274.546.595đ
- Kinh phí tự chủ lương (011):	101.638.918đ

II. Dự toán được giao năm 2026: 21.572.701.000đ

Trong đó:

1. Kinh phí tự chủ:	14.844.404.000đ
1.1 Tự chủ lương quân sự: (011)	425.000.000đ
1.2 Tự chủ hoạt động quân sự (011)	46.000.000đ
1.3 Tự chủ lương của Văn phòng (341)	6.603.404.000đ
1.4 Tự chủ hoạt động Văn phòng (341)	804.000.000đ
1.5 Phụ cấp áp (341)	6.478.000.000đ

1.6 Lương hoạt động NĐ 111 (341)	488.000.000đ
2. Kinh phí không tự chủ:	6.728.297.000đ
2.1 Chi quốc phòng (tiền ăn LLT...) (011)	1.310.000.000đ
2.2 Chi an ninh (041)	3.295.366.000đ
2.3 Phụ cấp HĐND (341)	784.696.000đ
2.4 Phụ cấp tổ tự quản (341)	464.640.000đ
2.5 KP hoạt động câu lạc bộ hưu trí (341)	6.000.000đ
2.6 PC giải quyết khiếu nại, tố cáo (341)	30.000.000đ
2.7 Cải cách thủ tục hành chính (341)	12.000.000đ
2.8 Tuyên truyền giáo dục pháp luật (341)	16.000.000đ
2.9 Hoà giải viên cơ sở (341)	60.000.000đ
2.10 Kinh phí xe oto (341)	100.000.000đ
2.11 Mua sửa chữa (341)	75.000.000đ
2.12 Thuê đường truyền họp trực tuyến (341)	37.000.000đ
2.13 Hoạt động không tự chủ khác (341)	140.000.000đ
2.14 Tiền khen thưởng NĐ 73 (341)	397.595.000đ
III/. Kinh phí dự toán bổ sung	2.400.198.400đ
Kinh phí bầu cử đợt 1+2:	2.400.198.400đ
IV. Số kinh phí thực hiện chi trong 3 tháng đầu năm 2026: 4.967.702.943đ	
Trong đó:	
1. Kinh phí tự chủ:	3.576.763.835đ
1.1 Tự chủ lương quân sự: (011)	91.421.988đ
1.2 Tự chủ hoạt động quân sự (011)	807.771đ
1.3 Tự chủ lương của Văn phòng (341)	1.661.190.743đ
1.4 Tự chủ hoạt động Văn phòng (341)	125.013.610đ
1.5 Phụ cấp áp (341)	1.625.688.676đ
1.6 Lương hoạt động NĐ 111 (341)	72.641.047đ
2. Kinh phí không tự chủ:	1.390.939.108đ
2.1 Chi quốc phòng (tiền ăn LLT...) (011)	95.108.000đ
2.2 Chi an ninh (041)	595.234.900đ
2.3 Phụ cấp HĐND (341)	172.692.000đ
2.4 Phụ cấp tổ tự quản (341)	116.160.000đ
2.5 KP hoạt động câu lạc bộ hưu trí (341)	0đ
2.6 PC giải quyết khiếu nại, tố cáo (341)	0đ



2.7 Cải cách thủ tục hành chính (341)	0đ
2.8 Tuyên truyền giáo dục pháp luật (341)	0đ
2.9 Hoà giải viên cơ sở (341)	0đ
2.10 Kinh phí xe oto (341)	0đ
2.11 Mua sửa chữa (341)	0đ
2.12 Thuê đường truyền hợp trực tuyến (341)	9.237.000đ
2.13 Hoạt động không tự chủ khác (341)	20.873.000đ
2.14 Tiền khen thưởng NĐ 73 (341)	0đ
2.15 Tiền bầu cử (341)	381.634.208đ
IV. Số kinh phí tồn cuối quý I năm 2026:	20.891.393.859đ
Trong đó:	
1. Kinh phí tự chủ:	13.153.837.567đ
1.1 Tự chủ lương quân sự: (011)	428.098.281đ
1.2 Tự chủ hoạt động quân sự (011)	52.310.878đ
1.3 Tự chủ lương của văn phòng (341)	6.452.225.146đ
1.4 Tự chủ hoạt động văn phòng (341)	953.532.985đ
1.5 Phụ cấp áp (341)	4.852.311.324đ
1.6 Lương hoạt động NĐ 111 (341)	415.358.953đ
2. Kinh phí không tự chủ:	7.737.556.292đ
2.1 Chi quốc phòng (tiền ăn LLT...) (011)	1.214.892.000đ
2.2 Chi an ninh (041)	2.700.131.100đ
2.3 Phụ cấp HĐND (341)	612.004.000đ
2.4 Phụ cấp tổ tự quản (341)	348.480.000đ
2.5 KP hoạt động câu lạc bộ hưu trí (341)	6.000.000đ
2.6 PC giải quyết khiếu nại, tố cáo (341)	30.000.000đ
2.7 Cải cách thủ tục hành chính (341)	12.000.000đ
2.8 Tuyên truyền giáo dục pháp luật (341)	16.000.000đ
2.9 Hoà giải viên cơ sở (341)	60.000.000đ
2.10 Kinh phí xe oto (341)	100.000.000đ
2.11 Mua sửa chữa (341)	75.000.000đ
2.12 Thuê đường truyền hợp trực tuyến (341)	27.763.000đ
2.13 Hoạt động không tự chủ khác (341)	119.127.000đ
2.14 Tiền khen thưởng NĐ 73 (341)	397.595.000đ
2.15 Tiền bầu cử (341)	2.018.564.192đ



Trên đây là công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu – chi 3 tháng đầu năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã./.

Nơi nhận:

- LDVP;
- CBCCVP;
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Handwritten signature

Nguyễn Thị Thanh Xuân

